

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS-ST
Ngày: 22-02-2021
V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán
tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xương
2. Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà: Lý Thị Tư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXX-ST ngày 14 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: số xx, ấp L, xã K, huyện K, tỉnh S.

2. Bị đơn:

Anh Trần Văn Q, sinh năm 1995.

Chị Lữ Phi Y, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: ấp L, xã K, huyện K, tỉnh S.

(Các đương sự cùng có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2020, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Chị H là chủ cửa hàng vật tư nông nghiệp, vợ chồng anh Trần Văn Q và chị Lữ Phi Y nhiều lần đến cửa hàng của chị để mua vật tư nông nghiệp. Sau khi kết toán thì vợ chồng anh Q và chị Y còn nợ chị H số tiền là 14.390.000 đồng.

Chị H nhiều lần đến nhà vợ chồng anh Q và chị Y để đòi số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ nhưng anh Q và chị Y không chịu thanh toán mà cứ hẹn lần lữa kéo dài từ đó cho đến nay.

Nay chị H yêu cầu vợ chồng anh Q và chị Lữ Phi Y phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 14.390.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 01/01/2016 cho đến ngày xét xử, mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là chị Lữ Phi Y trình bày:

Chị Lữ Phi Y và anh Trần Văn Q có mua vật tư nông nghiệp của chị Trần Thị H và còn nợ số tiền 14.390.000 đồng. Thời gian chị Y và anh Q bắt đầu mua vật tư nông nghiệp của chị H và số tiền đã trả, số tiền còn nợ là đúng như nội dung trong đơn khởi kiện mà chị H đã trình bày.

Hiện nay chị Y và anh Trần Văn Q đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Kế Sách nên chị Lữ Phi Y đồng ý trả nợ với số tiền là 7.195.000 đồng, trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ này và không đồng ý trả lãi. Chị Y không nhớ mua vật tư nông nghiệp của chị H đến khi nào thì ngưng

Bị đơn là anh Trần Văn Q trình bày:

Anh Trần Văn Q thống nhất với ý kiến trình bày của chị Y về quá trình mua vật tư nông nghiệp của chị Trần Thị H. Anh Q đồng ý trả cho chị H số nợ tương ứng 7.195.000 đồng, trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ này và không đồng ý trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H là

chính đáng và có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, anh Trần Văn Q và chị Lữ Phi Y cũng thừa nhận còn nợ chị H 14.390.000 đồng. Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về chứng cứ trong vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, các bị đơn có ý kiến thừa nhận như sau: “đồng ý trả cho chị Trần Thị H số tiền mua phân bón còn nợ là 14.390.000 đồng nhưng xin trả dần bằng cách mỗi tháng trả 1.000.000 đồng đến khi xong nợ và xin bỏ lãi.”

Xét thấy, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, giữa nguyên đơn và các bị đơn đã có giao dịch mua bán hàng hóa là vật tư nông nghiệp với hình thức mua trả tiền sau khi nhận hàng và hiện còn 14.390.000 đồng chưa tất toán là có thật. Tuy nhiên, từ năm 2015 cho đến nay, giữa nguyên đơn và các bị đơn đã ngừng các giao dịch mua bán nhưng các bị đơn không thanh toán số tiền mua hàng hóa còn nợ là 14.390.000 đồng cho nguyên đơn là không phù hợp với quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 430, Điều 431, Điều 433 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 01/01/2016 cho đến ngày xét xử

Xét thấy, như đã nhận định trên, việc các bị đơn không trả tiền vốn mua vật tư nông nghiệp còn nợ cho nguyên đơn là không thực hiện đúng theo quy định về nghĩa vụ trả tiền nên phải trả lãi trên số tiền chậm trả là phù hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 3, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cho nên, ý kiến của nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên số tiền còn nợ là 14.390.000 đồng, mức lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 01/01/2016 cho đến ngày 22/02/2021 (ngày xét xử) là chính đáng, có lợi cho các bị đơn và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Mức tiền lãi được tính theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cụ thể như sau:

14.390.000 đồng x (10%/năm : 12 tháng) x 05 năm 01 tháng 21 ngày) =
7.369.000 đồng.

[4] Đối với ý kiến của các bị đơn xin trả dần và không đồng ý trả lãi. Xét thấy, do nguyên đơn không đồng ý và cũng không có căn cứ pháp luật, cho nên, Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến này của các bị đơn được.

[5] Về án phí DSST: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị đơn phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, Điều 92, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 431, Điều 433, Điều 440, Điều 468, Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H. Buộc anh Trần Văn Q và chị Lữ Phi Y cùng chịu trách nhiệm thanh toán cho chị Trần Thị H số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 14.390.000 đồng và 7.369.000 đồng tiền lãi do chậm trả, cộng chung là **21.759.000 đồng (hai mươi một triệu bảy trăm năm mươi chín ngàn đồng).**

[2] Về án phí, chi phí tố tụng:

Chị Trần Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **360.000 đồng (ba trăm sáu mươi ngàn đồng)** theo biên lai thu số 0006815 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Anh Trần Văn Q và chị Lữ Phi Y phải cùng chịu **1.088.000. đồng (một triệu không trăm tám mươi tám ngàn đồng)** tiền án phí DSST.

Án xử công khai, chị Trần Thị H, anh Trần Văn Q và chị Lữ Phi Y có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực để thi hành và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hải Duy